TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DSST
Ngày: 06/3/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi
Các Hội thẩm nhân dân:
1) Ông Dương Vương Đạo
2) Ông Lê Thanh An
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLST-DS, ngày 17/10/2022, về việc tranh chấp: "*Hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST- DS, ngày 20 tháng 02 năm 2023; giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Mai A, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
(Bà T có mặt, bà T xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày :***

Tôi làm đầu thảo hụi, bà A tham gia góp 03 phần hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 25/4/2020 (âm lịch), có 24 phần, 2.000.000đ/ phần/ tháng, đến ngày 30/02/2022 (âm lịch) mãng hụi. Bà A tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi ngày 30/6/2020 (âm lịch) với số tiền 36.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà A có đóng

hụi chết được 09 kỳ (đến tháng 3/2021 âm lịch), thì ngưng góp hụi và còn nợ lại 12 kỳ hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20/7/2019 (âm lịch), có 30 phần, 2.000.000đ/ phần/ tháng, đến ngày 25/12/2021 (âm lịch) mãng hụi. Bà A tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi ngày 25/7/2019 (âm lịch), với số tiền 39.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà A có đóng hụi chết được 18 kỳ (đến tháng 01/2021 âm lịch), thì ngưng và còn nợ lại 12 kỳ hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20/5/2019 (âm lịch), có 25 phần, 3.000.000đ/ phần/ tháng, đến ngày 25/7/2022 (âm lịch) mãng hụi. Bà A tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi ngày 25/10/2020 (âm lịch), với số tiền 55.965.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà A có đóng hụi chết được 07 kỳ (đến tháng 5/2021 âm lịch), thì ngưng và còn nợ lại 13 kỳ hụi chết với số tiền 39.000.000 đồng.

Sau khi bà A ngưng góp hụi. Tôi có cùng bà A đối chiếu nợ. Bà A còn nợ tôi tổng cộng là 87.000.000 đồng và có ký tên vào giấy nhận nợ. Sau ngày làm giấy nhận nợ đến nay, bà A không trả thêm lần tiền nào. Đến nay, bà A còn nợ tôi 87.000.000 đồng. Tôi yêu cầu bà A trả 87.000.000 đồng, thong cảm hoàn cảnh kinh tế của bà A, tôi cho trả mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phên tòa, bị đơn bà Võ Thị Mai A trình bày:***

Tôi có tham gia góp tổng cộng 03 phần hụi do bà T làm đầu thảo. Nhưng số tiền hụi chết tôi còn nợ bà T không đúng như bà T trình bày. Cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 25/4/2020 (âm lịch), tôi tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi ngày 30/6/2020 (âm lịch), với số tiền 36.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, tôi đã đóng lại hụi chết và chỉ còn nợ 06 kỳ hụi chết với số tiền 12.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20/7/2019 (âm lịch), tôi tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi ngày 25/7/2019 (âm lịch), với số tiền 39.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi, tôi đã đóng lại hụi chết và chỉ còn nợ 08 kỳ hụi chết với số tiền 16.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20/5/2019 (âm lịch), tôi tham gia góp 01 phần và đã hốt hụi ngày 25/10/2020 (âm lịch), với số tiền 55.965.000 đồng. Sau khi hốt hụi, tôi đã đóng lại hụi chết và chỉ còn nợ 11 kỳ hụi chết với số tiền 33.000.000 đồng.

Tổng cộng tôi còn nợ bà T tiền hụi chết là 61.000.000 đồng. Sau khi tôi ngưng góp hụi, bà T và tôi có thỏa thuận nếu tôi nhận còn nợ bà T 87.500.000 đồng, thì bà T cho tôi trả nợ từ từ nên tôi đồng ý và ký tên vào tờ giấy xác nhận còn nợ bà T còn 87.500.000 đồng. Thực tế tôi chỉ còn nợ bà T 61.000.000 đồng nên đồng ý trả bà T 61.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng**.**

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng

xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà A trả cho bà T số tiền hụi còn nợ là 87.000.000 đồng, trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật. Đương sự nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện, yêu cầu bà Võ Thị Mai A trả tiền góp hụi nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về phạm vi khởi kiện, nội dung vụ kiện:

Tại phiên Tòa, bà T yêu cầu bà A trả số tiền góp hụi còn nợ là 87.000.000 đồng. Bà A không đồng ý trả 87.000.000 đồng vì cho rằng chỉ còn nợ bà T 61.000.000 đồng. Bà T cung cấp chứng cứ gồm: Giấy giao tiền hốt hụi ngày 30/6/2020 (âm lịch) với số tiền 36.000.000 đồng, số tiền chưa đóng hụi là 24.000.000 đồng; giấy giao tiền hốt hụi ngày 25/7/2019 (âm lịch) với số tiền 39.600.000 đồng, số tiền chưa đóng hụi là 24.000.000 đồng; giấy giao tiền hốt hụi ngày 25/10/2020 (âm lịch), với số tiền 55.965.000 đồng, số tiền chưa đóng hụi là 39.000.000 đồng; giấy xác nhận còn nợ với số tiền 87.000.000 đồng. Bà T không đồng ý việc bà A cho rằng có thỏa thuận ghi số tiền nợ 87.000.000 đồng (ghi nhiều hơn số tiền nợ thực tế) để được trả dần. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022, bà A trình bày có ký tên và ghi họ tên vào giấy xác nhận còn nợ bà T số tiền 87.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ còn nợ bà T 61.000.000 đồng. Bà A chỉ trình bày nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, bà T yêu cầu bà A trả số tiền 87.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét về thời gian trả: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà A trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022, bà A xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, theo quy cách chung của loại hình góp hụi, các hụi viên phải góp hụi đầy đủ vào mỗi kỳ hụi và hoàn tất việc góp hụi khi mãng hụi. Các dây hụi bà A tham gia đã mãng nhưng đến nay bà A chưa trả hết tiền nợ hụi cho bà T nên làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà T, nay lại xin

trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nên không thể chấp nhận. Tại phiên tòa, bà T thông cảm cho hoàn cảnh kinh tế của bà A nên cho bà A trả mỗi tháng 3.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà T nên ghi nhận.

[4] Về ý kiến của Kiểm sát viên

Như phân tích trên, ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí

Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải nộp án phí. Bà A có nghĩa vụ trả tiền cho bà T nên phải nộp án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều Điều 357 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.
- Buộc bà Võ Thị Mai A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền hụi còn nợ là 87.000.000đ *(tám mươi bảy triệu*) đồng, trả mỗi tháng 3.000.000 (*ba triệu)* đồng, thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.
- Về án phí:

+ Bà Võ Thị Mai A phải nộp 4.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000 (*hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng, theo biên lai số 0008311, ngày 11/10/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Võ Thị Mai A không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án tống đạt hợp lệ.

TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI